

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST

Ngày: 10/6/2022

V/v Tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **TRẦN THANH TÙNG**

2. Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ KIM LIÊU** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 299/2021/TLST-DS ngày 24/11/2021 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2022/QĐST-DS ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SGTT**

Địa chỉ : Số 266-268 NKKNg, phường 8, quận 3, thành phố HCM.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SGTT - CHI NHÁNH TG

Địa chỉ: Số 6, ĐBL, phường 2, thành phố MT, tỉnh TG.

Đại diện: Ông **NGUYỄN VĂN G** – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT – chi nhánh TG.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **PHAN MINH K** – Trưởng phòng giao dịch CB.

* Bị đơn : Bà **NGUYỄN THỊ KIM N**, Sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp HP2, xã HMB A, huyện CB, tỉnh TG.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Ông **NGUYỄN VĂN M**, Sinh năm 1967

Bà **NGUYỄN THỊ S**, Sinh năm 1970

Ông **NGUYỄN LINH V**, Sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: ấp HP 2, xã HMB A, huyện CB, tỉnh TG.

(Ông K có mặt tại phiên tòa, bà N, ông M, bà S, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè phía Ngân hàng TMCP SGTT – chi nhánh TG (đại diện theo ủy quyền anh Phan Minh K) trình bày:*

- Căn cứ hợp đồng tín dụng số LD1833100016 xác lập ngày 27/11/2018, giấy nhận nợ số LD 2033601194 ngày 01/12/2020, thỏa thuận sửa chữa bổ sung hợp đồng cho vay số LD1833100016/TT1 ngày 27/11/2019 và số 202025890739 ngày 27/11/2020 giữa Ngân hàng TMCP SGTT – chi nhánh TG với bà Nguyễn Thị Kim N, theo đó bà Ngân vay số tiền 740.000.000 đồng như sau:

+ Ngày vay: 01/12/2020
+ Thời hạn vay: đến hết ngày 27/11/2021
+ Phương thức trả nợ: Vốn trả đến ngày 27/11/2021, lãi trả ngày 15 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

+ Ngày đáo hạn: 27/11/2021

+ Lãi suất cho vay: 8,5%/năm, điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng.

Tài sản bảo đảm là thửa đất số 1117, tờ bản đồ HMA6, diện tích 1.682 m² do UBND huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 16/3/2006 cho bà Nguyễn Thị S đại diện hộ đứng tên. Đến ngày 18/5/2017 thửa đất số 1117, TĐĐ số HMA6, diện tích 1.682 m² thay đổi thành thửa số 25, tờ bản đồ số 27, diện tích 1900,8 m², trong đó đất ở nông thôn là 300 m² và đất trồng cây lâu năm là 1600,8 m² do đo đạc lại. Đồng thời ngày 25/5/2017 cấp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất cụ thể:

+ Loại tài sản: Nhà ở riêng lẻ

+ Diện tích xây dựng: 225,4 m²

+ Diện tích sàn: 225,4 m²

+ Kết cấu: Cột BTCT, vách tường, mái tole, nền gạch Ceramic

+ Cấp: 4

Trong quá trình vay vốn từ ngày 01/12/2020, bà N thanh toán lãi theo hợp đồng đến ngày 15/3/2021. Sau ngày 15/3/2021 cho đến nay bà N ngưng không thanh toán cho Ngân hàng, Ngân hàng nhiều lần yêu cầu nhưng bà không thanh toán, lẩn tránh và bà Ngân có nói với Ngân hàng là không còn khả năng chi trả, Ngân hàng cứ làm thủ tục khởi kiện theo quy định.

Nay phía Ngân hàng TMCP SGTT – chi nhánh TG yêu cầu phía bà Nguyễn Thị Kim N phải thanh toán số tiền còn nợ tổng cộng là 832.954.724 đồng, trong đó số tiền nợ vay gốc là 740.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng là 92.954.724 đồng (lãi tính đến ngày 10/6/2022), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất trên phần nợ gốc theo hợp đồng các bên giao kết cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ. Trường hợp phía bà Ngân không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì phía ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý toàn bộ các phần tài sản các thành viên hộ bà S đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1833100016 ngày 27/11/2018 để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

** Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp ý kiến và lời khai đối với vụ kiện.*

** Phía những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Linh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp ý kiến và lời khai đối với vụ kiện.*

Tại phiên tòa phía đại diện cho Ngân hàng TMCP SGTT– chi nhánh TG vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Phía bà Nguyễn Thị Kim N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Phía ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Linh V là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các ông, bà là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP SGTT – chi nhánh TG và bà Nguyễn Thị Kim N là tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự do mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Phía Ngân hàng TMCP SGTT– chi nhánh TG xác định giữa phía ngân hàng và bà N có xác lập các hợp đồng tín dụng số LD1833100016 xác lập ngày 27/11/2018, giấy nhận nợ số LD 2033601194 ngày 01/12/2020, thỏa thuận sửa chữa bổ sung hợp đồng cho vay số LD1833100016/TT1 ngày 27/11/2019 và số 202025890739 ngày 27/11/2020 để vay số tiền là 740.000.000 đồng. Đồng thời phía hộ gia đình bà Nguyễn Thị S có thể chấp các phần tài sản cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản số LD1833100016 ngày 27/11/2018 mà các bên đã giao kết để đảm bảo cho số tiền vay của bà Nguyễn Thị Kim N. Phía bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16/3/2021 mặc dù phía ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Nay phía ngân hàng yêu cầu phía bà N phải trả số tiền nợ tổng cộng là 832.954.724 đồng, trong đó số tiền nợ vay gốc là 740.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng là 92.954.724 đồng (lãi tính đến ngày 10/6/2022), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất trên phần nợ gốc theo hợp đồng các bên giao kết cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ. Trường hợp phía bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì phía ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý toàn bộ các phần tài sản hộ gia đình bà S đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1833100016 ngày 27/11/2018 để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Còn phía bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Linh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các ông, bà vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện của phía ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ phía Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án hợp đồng tín dụng số LD1833100016 xác lập ngày 27/11/2018, giấy nhận nợ số LD 2033601194 ngày 01/12/2020, thỏa thuận sửa chữa bổ sung hợp đồng cho vay số LD1833100016/TT1 ngày 27/11/2019 và số 202025890739 ngày 27/11/2020 xác lập giữa ngân hàng và bà N, cụ thể số tiền nợ vay là 740.000.000 đồng, quá trình trả nợ theo hợp đồng phía bà N chỉ trả được một phần tiền lãi rồi ngưng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16/3/2021 cho đến nay, mặc dù phía Ngân hàng đã tạo điều kiện và nhắc nhở nhiều lần yêu cầu bà trả nhưng bà không thực hiện và bà N có trình bày với Ngân hàng là không còn khả năng chi trả, bà yêu cầu ngân hàng đi khởi kiện là gây thiệt thòi quyền lợi cho phía ngân hàng, nay phía ngân hàng yêu cầu phía bà N phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ tổng cộng là 832.954.724 đồng, trong đó số tiền nợ vay gốc là 740.000.000 đồng, nợ lãi theo hợp đồng là 92.954.724 đồng (lãi tính đến ngày 10/6/2022), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất trên phần nợ gốc theo hợp đồng các bên giao kết cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ, trường hợp phía bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì phía ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý toàn bộ các phần tài sản hộ gia đình bà S đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1833100016 ngày 27/11/2018 để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định pháp luật là

có căn cứ, phù hợp theo các tài liệu, chứng cứ do ngân hàng cung cấp. Phía bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng thông báo về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng phía bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện xem như phía bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét yêu cầu khởi kiện của phía ngân hàng như phân tích ở trên là có căn cứ, phù hợp theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Phía bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP SG TT – chi nhánh TG nên bà phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, 35, 227, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 91 luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào điều 306 của luật Thương mại.

Căn cứ vào các điều 295, 299, 301 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT – chi nhánh TG.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S GTT– chi nhánh TG số tiền nợ tổng cộng là 832.954.724 đồng (Tám trăm ba mươi hai triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm hai mươi bốn đồng), trong đó số tiền nợ vay gốc là 740.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ vay gốc là 92.954.724 đồng (lãi suất tính đến ngày 10/6/2022).

Đồng thời phía bà N phải tiếp tục trả phần tiền lãi suất phát sinh trên phần nợ theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết tại các hợp đồng tín dụng số LD1833100016 xác lập ngày 27/11/2018, giấy nhận nợ số LD 2033601194 ngày 01/12/2020, thỏa thuận sửa chữa bổ sung hợp đồng cho vay số LD1833100016/TT1 ngày 27/11/2019 và số 202025890739 ngày 27/11/2020 cho đến khi quyết toán xong nợ, lãi tính từ ngày 11/6/2022.

Trường hợp phía bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì phía ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý các phần tài sản mà hộ gia đình bà Nguyễn Thị S gồm: ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Linh V đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1833100016 ngày 27/11/2018 để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

* Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 36.988.641 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP SGTT – chi nhánh TG 17.155.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000969 ngày 24/11/2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

* Về quyền kháng cáo : Ngân hàng TMCP SGTT– chi nhánh TG (đại diện theo ủy quyền là anh Phan Minh K) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Linh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH